

Bản án số: 325/2025/HS-PT
Ngày: 07 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên Tòa:
Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/6 và ngày 07 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/TLPT-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo Dương Trọng L, Nguyễn Tấn L1 và Đặng Hoàng T

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13- Đồng Nai).

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Dương Trọng L; sinh năm 1980 tại Quảng Bình; nơi cư trú: thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Thanh N và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ tên Lê Thị H1 (đã ly hôn) và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 12/6/2015 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù theo bản án sơ thẩm số 134/2015/HS-ST ngày 18/9/2015. Đến ngày 12/3/2016 chấp hành xong hình phạt (đã xóa án tích).

- Ngày 02/5/2016 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù theo bản án số 165/2016/HSPT ngày 30/11/2016). Đến ngày 09/02/2018 chấp hành xong hình phạt (đã xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023 được trả tự do. Bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2024 đến nay “có mặt”.

2. Nguyễn Tấn L1; sinh năm 1990 tại: Bình Phước; nơi cư trú: thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn L2 và bà Nguyễn Thị B; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thu D và có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 16/11/2008 phạm tội “Cố ý gây thương tích”, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm 06 tháng tù theo bản án số 27/2011/HS-ST ngày 23/02/2011. Đến ngày 16/8/2014 chấp hành xong hình phạt (đã xóa án tích).

- Ngày 12/01/2015 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 tháng tù theo bản án số 72/2015/HSST ngày 10/7/2015. Đến ngày 12/01/2017 chấp hành xong hình phạt (đã xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023 được trả tự do. Bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2024 đến nay; “có mặt”.

3. Đặng Hoàng T; sinh năm 1995 tại: Bình Phước; nơi cư trú: thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B1 và bà Nguyễn Thị H2; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023 được trả tự do, bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2024 đến nay; “có mặt”.

Người làm chứng:

- Ông Huỳnh Phước S, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) “vắng mặt”.

- Ông Lê Đình P, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) “vắng mặt”.

- Ông Lê Đức H3, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) “vắng mặt”.

- Ông Phạm Văn H4, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn F, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) “vắng mặt”.

- Bà Hồ Thị Thùy T1, sinh năm 2002, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) “vắng mặt”.

- Ông Lê Quốc B2, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) “vắng mặt”.

- Bà Lê Thị H1, sinh năm: 1985, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) “vắng mặt”.

- Ông Dương Thanh L3, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) “vắng mặt”.

Cán bộ Cảnh sát điều tra Công an huyện B tham gia phiên tòa:

- Ông Dương Văn B3 – Điều tra viên (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Minh N1 – Cán bộ điều tra (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều tối ngày 19/12/2023, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1, Phạm Văn H4, Lê Quốc B2, Hồ Thị Thùy T1, Lê Đình H5 cùng đến nhà Dương Trọng L ở tại thôn B, xã B, huyện B để chơi. Tại đây, L, T, L1, H4, B2, T1 cùng vào phòng ngủ của L ngồi chơi và nói chuyện thì giữa H4 và B2 xảy mâu thuẫn nên B2 và T1 đi về trước; còn L, T, L1, H4 vẫn tiếp tục ngồi chơi. Trong lúc ngồi nói chuyện thì T nhìn thấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế và bật lửa ga có gắn tim của L để ở góc phòng ngủ, T liền đi đến cầm bật lửa ga có gắn tim và bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy ra thì thấy bên trong có ma túy, T liền rủ L1 và L sử dụng chất ma túy thì L1 và L đồng ý; cùng lúc này H4 và H5 đi về nhà. Sau đó, L1 lấy bật lửa ga màu trắng đốt cháy bất lửa tim rồi L1, T thay nhau cầm bật lửa tim đang cháy đốt chất ma túy trong bộ dụng cụ rồi L1, T, L lần lượt sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 30 phút sau, H4 quay lại phòng ngủ của L để lấy áo (H4 để quên áo tại phòng ngủ của L) thì thấy L1, T, L đang sử dụng trái phép chất ma túy, H4 liền đi vào sử dụng chất ma túy, sau khi sử dụng xong H4 lấy áo rồi đi về. Còn L, T, L1 vừa ngồi chơi game trên điện thoại di động vừa sử dụng trái phép chất ma túy, sau khi sử dụng hết chất ma túy, T lấy bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy cất giấu vào trong tủ tại phòng ngủ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với L1, T, L.

Vật chứng thu giữ, gồm:

- Trong tủ tại phòng ngủ của L 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy tự chế có đặc điểm là 01 chai nước không rõ hình; bên dưới bằng thủy tinh, trên là nhựa; nắp bằng nhựa màu trắng có đục 02 lỗ, 01 lỗ có gắn dụng cụ sử dụng ma túy bằng thủy tinh một đầu hình móc câu, một đầu gắn với 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu xanh dương, 01 lỗ gắn 01 đoạn ống hút (01 đoạn màu xanh lá, 01

đoạn màu xanh dương dùng băng keo màu đen nối lại) và 01 bật lửa ga màu vàng có gắn tim.

- Dưới nền nhà trước mặt Nguyễn Tấn L1 01 bật lửa ga màu trắng.

Theo phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể lập ngày 19/12/2023, kết quả Dương Trọng L, Nguyễn Tấn L1, Đặng Hoàng Thạch D1 tích với ma túy.

Kết luận giám định số 503 và 504/KL-KTHS ngày 11/01/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định Nguyễn Tấn L1, Đặng Hoàng T đều tìm thấy thành phần Methamphetamine.

Kết luận giám định số 611/KL-KTHS ngày 20/6/2025 của Phòng K, Công an tỉnh B kết luận video ông Huỳnh Phước S là công an xã B quay không bị cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13-Đồng Nai) đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Dương Trọng L 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 07/02/2024, được trừ thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L1 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 07/02/2024, được trừ thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng T 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 07/02/2024, được trừ thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/01/2025 các bị cáo Dương Trọng L, Nguyễn Tấn L1, Đặng Hoàng T có đơn kháng cáo cho rằng các bị cáo không phạm tội theo bản án sơ thẩm đã tuyên xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 08/01/2025.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13- Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của các bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét lời khai nhận tội của hai bị cáo L1, T tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và tại bản tự khai, lời khai của các bị cáo, biên bản đối chất, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác như: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm phù hợp với trong vụ án trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với kết quả giám định, Test nhanh về sử dụng chất ma túy ngày 19/12/2023, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, cùng các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập đầy đủ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, nhận thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, phương tiện, phương thức thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình điều tra bị cáo Dương Trọng L không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, trong quá trình điều tra các bị cáo Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 đều thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo cho rằng các bị cáo

không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngoài lời khai của bị cáo về việc thay đổi lời khai của mình thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc thay đổi lời khai của bị cáo là có căn cứ.

Căn cứ vào Kết luận giám định số 611/KL-KTHS ngày 20/6/2025 của Phòng K Công an tỉnh B. Kết luận: Không tìm thấy dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong tập tin video gửi đến giám định (ký hiệu là A). Trích xuất được 4790 hình ảnh thể hiện hành vi, đặc điểm nhận dạng của từng người trong tập tin Video gửi đến giám định thể hiện nội dung Dương Trọng L đã có hành vi cung cấp địa điểm là nhà của mình và cùng Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 đưa chất ma túy vào cơ thể người khác trái quy định pháp luật.

Như vậy, trên cơ sở các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện qua: Biên bản phạm tội quả tang; kết luận giám định, bản ghi âm, ghi hình, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của người làm chứng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp về thời gian, địa điểm, công cụ thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án. Do vậy có căn cứ kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 19/12/2023, do đã có sẵn chất ma túy trong bộ dụng cụ tự chế để sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của Dương Trọng L thuộc thôn B, xã B, huyện B nên khi Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 đến nhà L chơi thì thấy bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy bên trong đã có sẵn chất ma túy và có sẵn bật lửa ga đã gắn tim cát giấu ở góc phòng ngủ của L. Khi thấy T liền lấy bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy ra rồi cùng L1 thay nhau đổi chất ma túy để L, L1, T cùng nhau sử dụng, trong quá trình sử dụng thì Phạm Văn H4 đi đến nhà L để lấy áo bỏ quên thì H4 cũng tự vào đốt và tự sử dụng chất ma túy và đi về. Sau đó L, T, L1 tiếp tục sử dụng ma túy trong bộ dụng cụ đến lượt T sử dụng cuối cùng thì hết chất ma túy nên T lấy bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy, bật lửa ga có gắn tim cát giấu trong tủ gỗ ngay cạnh chỗ T ngồi trong phòng ngủ của L và cùng L, L1 ngồi chơi điện thoại thì Công an huyện B phối hợp với Công an xã B kiểm tra, bắt quả tang thu giữ vật chứng của vụ án.

Căn cứ vào các lời khai của các bị cáo từ khi bị bắt quả tang và trong quá trình giải quyết vụ án đến giai đoạn truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn L1, Đặng Hoàng T (*riêng chỉ có lời khai của T tại Biên bản ghi lời khai - BL 130-131 là Thạch thay đổi lời khai nhưng cũng trong ngày 26/12/2023 tại Biên bản ghi lời*

khai - BL 132-133 T lại thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai rõ lý do không nhận tội là vì bị cáo L dặn là khai sử dụng ma túy không phải ở nhà L) còn sau đó T, L1 đã khai đúng sự thật diễn biến vụ việc.

Lời khai nhận về hành vi phạm tội của các bị cáo L1, T phù hợp với lời khai của các bị cáo T, L1, biên bản đối chất (BL 141; 200; 201; 202; 203; 204) giữa L và H4; giữa H4 và L1; giữa T và L; giữa L1 và L với lời khai của người làm chứng Phạm Văn H4 và phù hợp với các biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, Video quay lại cảnh các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đã được thu thập theo đúng quy định, đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo cho rằng mình không phạm tội nhưng không có căn cứ chứng minh, hơn nữa bị cáo L1 cũng xác định “... do biết nhà L thường xuyên tổ chức sử dụng chất ma túy nên tối ngày 19/12/2023 L1 đi đến nhà lực xem có ai sử dụng ma túy không thì L1 sử dụng ké vì L1 không có tiền...”(BL 166-167; 169-170; 171-172) cùng với các chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án đều chứng minh được các bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 đã thực hiện hành vi trái pháp luật đủ yếu tố cấu thành tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và tuyên tại bản án sơ thẩm đối với các bị cáo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh trong xã hội và trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đã chuẩn bị ma túy nhằm mục đích để sử dụng và đưa chất ma túy vào cơ thể của người khác; cho người khác sử dụng tại địa điểm là nhà của bị cáo để sử dụng ma túy, giúp nhau sử dụng chất ma túy đã trực tiếp gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người, mà cụ thể là chính bản thân bị cáo và cũng là nguyên nhân lây lan bệnh dịch, làm phát sinh các tệ nạn trong xã hội và các loại tội phạm khác. Bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của mình là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, căn cứ vào chứng cứ là đoạn Video đã quay lại cảnh các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và giải trình nội dung video, lời khai của bị cáo T, L1, H4, các biên bản đối chất thể hiện vai trò của các bị cáo, thể hiện bị cáo L đã có hành vi sử dụng nơi ở của mình làm nơi sử dụng ma túy và chuẩn bị bộ D2 sử dụng ma túy, là người chuẩn bị ma túy để mọi người cùng sử dụng(đã có sẵn trong phòng ngủ của L); bị cáo T là người

khởi xướng rủ L và L1 sử dụng ma túy, có hành vi đốt ma túy cho T và L hút; bị cáo T đã sử dụng bật lửa ga để mỗi bật lửa có gắn tim để L1 đốt ma túy sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến nay bị cáo Dương Trọng L còn thể hiện hiện thái độ không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình mà quanh co chối tội, tại phiên tòa sơ thẩm cho đến nay các bị cáo Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 thể hiện thái độ quanh co chối tội. Bị cáo L, L1 có nhân thân xấu, đã từng bị tuyên phạt về hành vi trái pháp luật nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Chứng tỏ các bị cáo là người khó cải tạo, giáo dục, coi thường quy định của pháp luật, xem nhẹ sức khỏe, tính mạng con người và chính bản thân bị cáo. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra mới đảm bảo việc răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời cũng là bài học cho những ai đã và đang thực hiện hành vi phạm tội thì hậu quả là phải chịu sự trừng trị của pháp luật.

Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 đã thể hiện rõ tại các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, việc các bị cáo không nhận tội và quanh co chối tội, cho rằng bị cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là thể hiện thái độ không thành khẩn khai báo và không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo sẽ không được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là có căn cứ pháp luật.

Cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và tuyên phạt bị cáo Dương Trọng L, Nguyễn Tấn L1 mỗi bị cáo mức hình phạt 10 năm tù, Đặng Hoàng T 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ đúng theo quy định.

Các bị cáo kháng cáo đề nghị tuyên các bị cáo không phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và cho rằng trong quá trình điều tra, bị ép cung, đánh đập, cán bộ đọc lời khai cho bị cáo viết bản tự khai nhưng không có chứng cứ nào chứng minh cho lời khai này của các bị cáo. Việc các bị cáo thay đổi lời khai của mình nhưng không có căn cứ cho việc mình thay đổi lời khai là có cơ sở, thể hiện thái độ quanh co chối tội cho rằng bị cáo không phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng với các lý do không có căn cứ nên kháng cáo đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội là không có căn cứ chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13- Đồng Nai) về phần hình phạt đối với các bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1:

Tuyên bố các bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Dương Trọng L 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 07/02/2024, được trừ thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L1 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 07/02/2024, được trừ thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng T 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 07/02/2024, được trừ thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023.

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Dương Trọng L, Đặng Hoàng T, Nguyễn Tấn L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- PV 06 CA tỉnh Đồng Nai;
- TAND, VKSND khu vực 13 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 13- Đồng Nai;
- Trại Tạm giam số 2;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ nghiệp vụ; Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga